TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 542/2024/DS-PT
Ngày: 31-12-2024
V/v tranh chấp hợp đồng đặt cọc, hợp đồng góp vốn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

Các Thẩm phán: ông Đinh Tiền Phương

ông Trần Tấn Quốc

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Mỹ Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 452/2024/TLPT-DS ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc, hợp đồng góp vốn*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 507/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: ông Lê Quang L, sinh năm 1984; địa chỉ: số A, Ấp C, xã N, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L:

1. Bà Lê Kim D, sinh năm 1965; địa chỉ: số A đường N, Phường C, thành phố T, tỉnh Long An (văn bản ủy quyền ngày 13/02/2023).

2. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1966; địa chỉ: số D ấp B, xã B, thành phố T, tỉnh Long An (văn bản ủy quyền ngày 19/4/2024).

Bị đơn: ông Đặng Quang K, sinh năm 1984; địa chỉ: số A, Khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An (đã chết ngày 16/10/2023).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông K:

1. Ông Đặng Văn L1, sinh năm 1961; địa chỉ: Ấp A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1955; địa chỉ: Ấp A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

3. Cháu Đặng Khải H1, sinh ngày 11/6/2014; địa chỉ: số A Ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật của cháu H1: bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1989; địa chỉ: số A Ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH L2 (BD CO. LTD); địa chỉ trụ sở: Ấp B, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật:

1.1. Bà Đinh Thị Đ, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ C, ấp K, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương.

1.2. Ông Nguyễn Tấn H2, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ C, ấp K, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Đinh Thị Đ, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ C, ấp K, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ: ông Lê Ngân G, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp X, xã L, huyện C, tỉnh Long An (văn bản ủy quyền ngày 10/12/2024).

3. Ông Huỳnh Văn M, sinh năm 1969; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

4. Ông Lữ Ngọc T1, sinh năm 1971; địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An.

5. Ông Phạm Quốc C1, sinh năm 1966; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn, ông Lê Quang L.

(Bà Nguyễn Thị Thu H, ông Lê Ngân G có mặt; các đương sự còn lại xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 01/02/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn, ông Lê Quang L và những người đại diện theo ủy quyền của ông L trình bày:

Ngày 15/12/2020, ông Đặng Quang K ký hợp đồng đặt cọc với ông Huỳnh Văn M là người đại diện của Công ty TNHH L2 để nhận chuyển nhượng diện tích đất 68.428m^2, loại đất phi nông nghiệp, thuộc 02 thửa đất số 174 và 84, tờ bản đồ

số 05, địa chỉ thửa đất tại ấp B, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An; giá chuyển nhượng 37.635.000.000 đồng.

Ông K đã đặt cọc cho ông M 03 lần tổng cộng số tiền là 4,2 tỷ đồng (bốn tỷ hai trăm triệu đồng), gồm: 01 tỷ đồng vào ngày 15/12/2020, 02 tỷ đồng vào ngày 25/12/2020 và 1,2 tỷ đồng vào ngày 08/02/2021.

Trong số tiền 4,2 tỷ đồng đặt cọc có phần góp vốn 02 tỷ đồng của ông Lê Quang L. Do bận công việc nên ông L chỉ đi xem đất, còn việc giao dịch để cho ông K đứng ra trực tiếp thực hiện.

Sau khi đặt cọc, có nhiều nguyên nhân trong đó có nguyên nhân phía chuyển nhượng tăng giá khiến hai bên không tiếp tục thực hiện hợp đồng, nên ông K khởi kiện tranh chấp tại Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ. Trong đơn, ông K khởi kiện Công ty TNHH L2, bà Đinh Thị Đ và bản tự khai ông K nộp tại Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ đã nêu rõ tổng số tiền ông K đã giao cho bên chuyển nhượng là 4,2 tỷ đồng, trong đó có tiền của ông Lê Quang L là 02 tỷ đồng, nên ông L được Tòa án xác định tư cách tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Ngày 26/7/2022 bà Đ, ông M và ông K thỏa thuận là bà Đ, ông M giao cho ông K số tiền 3 tỷ đồng để ông K rút đơn khởi kiện, mà không có mặt của ông L và cũng không báo cho ông L biết. Cùng ngày, bà Đ và ông M chuyển trả cho ông K số tiền 3 tỷ đồng qua tài khoản ngân hàng, ông K rút yêu cầu khởi kiện trong khi bà Đ, ông M còn nợ 1,2 tỷ đồng tiền đặt cọc. Sau đó, ông K giữ 2,2 tỷ đồng, chuyển cho ông L 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng, còn nợ ông L 1,4 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông K chết. Ông L khởi kiện yêu cầu:

- Buộc người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn ông Đặng Quang K (đã chết) là ông Đặng Văn L1, bà Nguyễn Thị C và cháu Đặng Khả H3, có nghĩa vụ liên đới với Công ty TNHH L2 (BD CO. LTD), ông Huỳnh Văn M và bà Đinh Thị Đ trả lại cho ông Lê Quang L 1.978.872.000 đồng, trong đó: tiền vốn: 1.200.000.000 đồng, tiền lãi 778.872.000 đồng [1.200.000.000 đồng x 1.66%/tháng x 39 tháng 03 ngày = (từ ngày 08/02/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 11/5/2024)].

- Buộc người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn ông Đặng Quang K (đã chết) là ông Đặng Văn L1, bà Nguyễn Thị C và cháu Đặng Khả H3 trả cho ông L số tiền 200.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn, ông Đặng Quang K đã trình bày tại biên bản hòa giải ngày 01/6/2023 như sau:

Ông đồng ý toàn bộ trình bày và yêu cầu của ông L. Ông đồng ý liên đới cùng Công ty TNHH L2, ông Huỳnh Văn M và bà Đinh Thị Đ có nghĩa vụ trả lại cho ông L số tiền 1.488.000.000 đồng, trong đó gồm: tiền vốn là 1.200.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 08/02/2021 đến ngày 08/02/2023 với lãi suất 1%/tháng là 288.000.000 đồng và ông trả cho ông L 200.000.000 đồng. Vì ông L góp vốn với ông 2 tỷ đồng, nhưng ông tự thỏa thuận nhận lại 3 tỷ đồng là không đúng.

Tại bản tự khai ngày 12/01/2024, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn ông Đặng Quang K là ông Đặng Văn L1, bà Nguyễn Thị C, cháu Đặng Khả H3 (do bà Nguyễn Thị Thu T đại diện theo pháp luật) trình bày:

Khi ông K còn sống làm ăn gì, với ai thì các ông, bà không biết. Ông K chết không để lại tài sản gì nên không có tiền trả cho ai.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (có yêu cầu độc lập theo đơn khởi kiện ngày 16/01/2024) ông Huỳnh Văn M do ông Phan Phụng Đức D1 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông M thống nhất lời trình bày của ông L về thời gian xác lập hợp đồng đặt cọc, số tiền đặt cọc, thửa đất đặt cọc để nhận chuyển nhượng, giá trị chuyển nhượng. Ông M không thống nhất trình bày của ông L về việc ông L có đi xem đất, vì trong suốt quá trình ký và đặt cọc không có mặt ông L. Ông M, bà Đ không biết ông L là ai.

Ông K đặt cọc cho bà Đ do ông M đại diện nhận thay 03 lần với tổng số tiền 4,2 tỷ đồng, nhưng thực tế ông M chỉ nhận được là 3,2 tỷ đồng, phần còn lại 01 tỷ đồng thì ông K yêu cầu giữ lại để chia cho những người môi giới, trong đó có ông T1, ông C1.

Đến ngày ra công chứng để trả đủ số tiền còn lại thì ông K không có tiền để thanh toán làm thủ tục công chứng. Do đó, ông K có đến hẹn xin gia hạn thời gian lại khoảng 4 đến 5 lần, nhưng cuối cùng vẫn không có đủ tiền để thực hiện việc công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Ông K khởi kiện tranh chấp hợp đồng đặt cọc, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ thụ lý. Sau đó đến ngày 26/7/2022, ông K có đến xin lại tiền cọc và được ông M, bà Đ đồng ý. Bà Đ đã trả 3 tỷ đồng cho ông K, đối với phần tiền 1 tỷ đồng môi giới ông T1, ông C1 đã nhận thì ông K thống nhất không khởi kiện và không yêu cầu ông T1, ông C1 trả. Vì vậy, xem như giải quyết xong. Ông K có làm biên bản cam kết và làm đơn xin rút lại toàn bộ hồ sơ yêu cầu khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ. Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án.

Ông Lê Quang L lại tiếp tục khởi kiện ông Đặng Quang K và đưa Công ty TNHH L2, ông M và bà Đ tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ông L yêu cầu ông K có nghĩa vụ liên đới với Công ty TNHH L2, ông M và bà Đ trả cho ông L 1,2 tỷ đồng và tiền lãi. Ông M không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L.

Ông M làm đơn yêu cầu khởi kiện độc lập, yêu cầu Tòa án giải quyết hủy hợp đồng đặt cọc ngày 15/12/2020 giữa ông Đặng Quang K và ông Huỳnh Văn M, số tiền 4,2 tỷ đồng xem như đã thanh toán xong.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác trình bày:

Bà Đinh Thị Đ do ông Nguyễn Văn M1 đại diện theo ủy quyền trình bày: bà Đ thống nhất toàn bộ trình bày của ông M. Sau khi thỏa thuận với ông K, bà Đ đã thanh

toán xong cho ông K. Vì vậy, bà Đ không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L.

Công ty TNHH L2 do bà Đinh Thị Đ đại diện theo pháp luật trình bày:

Công ty TNHH L2 không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L. Diện tích đất chuyển nhượng cho ông K là của Công ty. Bà đại diện Công ty nhờ ông M đứng ra ký đặt cọc và nhận cọc với ông K. Ông M trình bày lại với bà rằng ông M không biết ông L. Giữa bà và ông K đã thỏa thuận và thanh toán tiền xong.

Ông Lữ Ngọc T1 trình bày:

Trước ngày 15/12/2020, ông giới thiệu cho ông Đặng Quang K nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Huỳnh Văn M và bà Đinh Thị Đ 02 thửa đất với tổng diện tích là 68.428 m^2, loại đất phi nông nghiệp, thuộc các thửa đất số 174 và thửa đất số 84, cùng tờ bản đồ số 05, xã B, huyện Đ. Sau ba lần xem đất, ông K quyết định đặt cọc với tổng số tiền là 4,2 tỷ đồng, cụ thể: ngày 15/12/2020 đặt cọc 1 tỷ đồng; ngày 09/01/2021 đặt cọc 2 tỷ đồng và ngày 08/02/2021 đặt cọc 1,2 tỷ đồng.

Giữa ông K, ông M thống nhất bỏ ra 1 tỷ đồng để chia cho những người môi giới, sau này nếu bên bán hoặc bên mua giao dịch thành hay không thành thì cũng không đòi lại số tiền này nữa. Sau khi hai bên bàn bạc thống nhất giữ lại 1 tỷ đồng chia cho các anh em môi giới, cụ thể như sau:

- Giao cho ông C1 370.000.000 đồng (đại diện môi giới bên mua).

- Giao cho ông 370.000.000 đồng (đại diện môi giới bên bán).

- Phần còn lại ông K giữ 260.000.000 đồng nói là tiền để đóng thuế.

Tất cả các lần giao dịch như: ba lần xem đất, ba lần đặt cọc, bốn lần xin gia hạn đều có mặt ông, ông K, ông M và ông C1, ông chưa bao giờ gặp ông L.

Sau nhiều lần hứa hẹn, ông K không có tiền ra công chứng, ông cùng ông K lên thỏa thuận với chủ đất xin gia hạn bốn lần. Cuối tháng 02/2021, hai bên ra Văn phòng công chứng Võ Văn N chuyển nhượng treo.

Sau một thời gian, ông K làm đơn khởi kiện bà Đ và ông M để đòi lại tiền đặt cọc. Ngày 24/7/2022, ông K đến gặp trực tiếp ông để nhờ ông xin lại tiền cọc 3,2 tỷ đồng, còn phần tiền môi giới ông K đồng ý chịu mất. Sau đó, ông gọi điện thoại cho ông M thì ông M và bà Đ cùng thống nhất cho lại ông K 3 tỷ đồng. Ông K đồng ý và hẹn với ông M, bà Đ vào ngày 26/7/2022 đến Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xin rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện và có làm cam kết với sự chứng kiến của ông, ông Phạm Quốc C1 và ông M.

- Ông Phạm Quốc C1 trình bày:

Ông có dẫn ông K lên mua đất, có đặt cọc với ông M để nhận chuyển nhượng diện tích đất của Công ty TNHH L2. Trong 03 lần đặt cọc số tiền 4,2 tỷ đồng do ông K là người trực tiếp đưa cho ông M, ông M đưa cho ông T1 1 tỷ đồng tiền môi giới. Ông T1 chia lại cho ông nhưng ông không nhớ cụ thể số tiền bao nhiêu. Số tiền ông

T1 giữ lại chia cho ai thì ông không biết. Trong tất cả các lần đặt cọc chỉ có mặt ông, ông T1, ông K, ông M. Ngoài ra, không có ai khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2023/DS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An đã xử:

"1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang L đối ông Đặng Quang K (đã chết) về việc "tranh chấp hợp đồng góp vốn".

Buộc người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn ông Đặng Quang K (đã chết) là ông Đặng Văn L1, bà Nguyễn Thị T2, cháu Đặng Khả H3 có nghĩa vụ trả cho ông Lê Quang L 1.869.200.000 đồng (một tỷ, tám trăm sáu mươi chín triệu, hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (của người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền (phải trả cho người được thi hành án), hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải phải liên đới trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang L đối với Công ty TNHH L2, bà Đinh Thị Đ, ông Huỳnh Văn M về việc "tranh chấp hợp đồng đặt cọc" liên quan ông L yêu cầu Công ty TNHH L2, bà Đinh Thị Đ, ông Huỳnh Văn M có nghĩa vụ liên đới trả cho ông L số tiền 1.649.000.000 đồng (một tỷ, sáu trăm bốn mươi chín triệu đồng).

3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Huỳnh Văn M đối với ông Đặng Quang K (đã chết) về việc "tranh chấp hợp đồng đặt cọc".

Hủy hợp đồng đặt cọc ngày 15-12-2020 giữa ông Huỳnh Văn M và ông Đặng Quang K về việc ông K đặt cọc số tiền 4.200.000.000 đồng cho ông M để nhận chuyển nhượng diện tích đất 68.428m^2, thửa số 174 và 84, tờ bản đồ số 05, loại đất phi nông nghiệp, tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An.

4. Về chi phí thu thập chứng cứ: ông L có nghĩa vụ chịu 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), đã nộp tạm ứng và chi phí xong.

5. Về án phí:

- Người kế thừa và quyền nghĩa vụ của bị đơn ông Đặng Quang K (đã chết) là ông Đặng Văn L1, bà Nguyễn Thị T2, cháu Đặng Khả H3 có nghĩa vụ chịu 68.376.000 đồng (sáu mươi tám triệu, ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) tiền án phí.

- Ông Lê Quang L không phải chịu tiền án phí, hoàn lại cho ông L 33.320.000 đồng (ba mươi ba triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp (theo các biên lai thu số 0001242, 0001243 cùng ngày 06-3-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ).

- Ông M không phải chịu tiền án phí, hoàn lại cho ông M 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp (theo biên lai thu số 0004279 ngày 16-01-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ).”

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 02/01/2024, ông Lê Quang L kháng cáo yêu cầu Công ty TNHH L2, ông M, bà Đ có trách nhiệm liên đới trả lại số tiền gốc là 1,2 tỷ đồng và tiền lãi là 288.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bà Nguyễn Thị Thu H trình bày: ông K đã thừa nhận trong số tiền 4,2 tỷ đồng đặt cọc cho ông M, thì có 2 tỷ đồng là của ông L. Việc ông K tự thỏa thuận với Công ty TNHH L2, ông M, bà Đ để nhận lại số tiền cọc 3 tỷ mà không có ý kiến của ông L là xâm phạm đến quyền lợi của ông L. Công ty TNHH L2 và bà Đ xác định có chi 01 tỷ đồng cho người môi giới, nhưng trong hợp đồng đặt cọc không có điều khoản nào xác định chi cho khoản này. Ông M đã thừa nhận có nhận 4,2 tỷ đồng tiền cọc, ông K thừa nhận việc ký thỏa thuận nhận 3 tỷ là vượt quá số tiền ông K bỏ ra hùn đặt cọc. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông L.

Ông Lê Ngân G trình bày: bà Đ không liên quan gì đến việc hùn vốn giữa ông K và ông L. Bà Đ chỉ giao kết đặt cọc với ông K, nên không đồng ý yêu cầu kháng cáo của ông L.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Quang L đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: ông L cho rằng có góp số tiền 2 tỷ đồng để ông K đặt cọc 4,2 tỷ đồng cho Công ty TNHH L2, nhưng ông L không ký tên trên hợp đồng đặt cọc, ông M, bà Đ không thừa nhận biết ông L. Việc giao nhận tiền cọc nhiều lần nhưng ông L không tham dự, chứng tỏ ông L đã đồng ý để ông K đại diện giao dịch đặt cọc. Khi xảy ra tranh chấp, ông K và Công ty, ông M, bà Đ đã thỏa thuận ông K nhận lại số tiền cọc 3 tỷ, sau này nếu có tranh chấp thì ông K chịu trách nhiệm. Công ty, ông M và bà Đ không liên quan trách nhiệm về việc góp vốn giữa ông K và ông L. Bản án sơ thẩm đã xử là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của ông L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của ông Lê Quang L thực hiện đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người khởi kiện, người có yêu cầu độc lập vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu độc lập. Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Việc xét xử vắng mặt các đương sự: ông Lê Quang L và bà Đinh Thị Đ vắng mặt, nhưng có người đại diện theo ủy quyền có mặt. Bà Lê Kim D, ông Đặng Văn L1, bà Nguyễn Thị C, cháu Đặng Khả H3 (do bà Nguyễn Thị Thu T đại diện theo pháp luật), ông Lữ Ngọc T1, ông Phạm Quốc C1, Công ty TNHH L2 do bà Đinh Thị Đ, ông Nguyễn Tấn H2 đại diện theo pháp luật vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Sự vắng mặt của các đương sự thuộc trường hợp quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Tòa án vẫn xét xử phúc thẩm vụ án.

[3] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: theo đơn khởi kiện, đơn yêu cầu độc lập và quá trình giải quyết vụ án, các đương sự tranh chấp về hợp đồng đặt cọc và góp vốn. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là: "tranh chấp hợp đồng hùn vốn, đặt cọc" là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về việc áp dụng pháp luật về nội dung: giao dịch đặt cọc và góp vốn đang có tranh chấp được xác lập và thực hiện trong năm 2020-2021. Do đó, áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật có liên quan để giải quyết vụ án.

[5] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Quang L về việc yêu cầu Công ty TNHH L2, ông M, bà Đ có trách nhiệm liên đới trả lại số tiền gốc là 1,2 tỷ đồng và tiền lãi là 288.000.000 đồng, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: theo giấy nhận tiền đặt cọc ngày 15/12/2020 (bút lục 98), biên nhận ngày 09/01/2021 (bút lục 97) và giấy phụ ghi ngày 08/02/2021 (bút lục 96) thể hiện: giao dịch đặt cọc để chuyển nhượng diện tích đất 68.428m^2, thửa số 174 và 84, tờ bản đồ số 05, xã B, huyện Đ và quá trình giao nhận số tiền đặt cọc 4,2 tỷ đồng được xác lập và thực hiện giữa ông Đặng Quang K và ông Huỳnh Văn M. Căn cứ Điều 328 của Bộ luật Dân sự năm 2015, thì chỉ có ông Đặng Quang K (bên đặt cọc) và ông Huỳnh Văn M (bên nhận đặt cọc) phải thực hiện quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đặt cọc. Mặc dù bà Đinh Thị Đ - thành viên của Công ty TNHH L2 thừa nhận có nhờ ông M đứng ra trực tiếp thực hiện việc giao nhận tiền cọc với ông K, nhưng cả bà Đ và ông M đều không thừa nhận có việc ông Lê Quang L tham gia giao dịch đặt cọc thông qua đại diện là ông Đặng Quang K; ông L cũng không có chứng cứ gì chứng minh bà Đ và ông M biết việc ông L và ông K góp vốn và ông K đại diện để đặt cọc mua đất của bà Đ. Do đó, giao dịch góp vốn giữa ông K và ông L không liên quan đến quyền, nghĩa vụ của Công ty TNHH L2, ông M, bà Đ, nên không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo này của ông L.

[6] Tuy nhiên, hồ sơ vụ án thể hiện, tại bản tự khai ngày 26/9/2022 (bút lục 117), ông Đặng Quang K đã thừa nhận ông L có góp 2 tỷ đồng, ông K góp 2,2 tỷ đồng được tổng cộng số tiền 4,2 tỷ đồng để đặt cọc nhận chuyển nhượng thửa số 174 và 84. Khi ông K khởi kiện Công ty TNHH L2 tại Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ thì ông M, bà Đ và ông K tự thỏa thuận ông K nhận lại 3 tỷ đồng để rút hồ sơ vụ kiện, thể hiện ở giấy cam kết ngày 26/7/2022 (bút lụt 103). Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án do ông K rút đơn khởi kiện, nghĩa là về nội dung tranh chấp giữa các bên trong hợp đồng đặt cọc chưa được

giải quyết bằng một bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Trong vụ án này, ông M làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy hợp đồng đặt cọc ngày 15/12/2020 giữa ông Đặng Quang K và ông Huỳnh Văn M và yêu cầu xác định hậu quả của việc hủy hợp đồng là số tiền 4,2 tỷ đồng xem như đã thanh toán xong. Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ ý kiến của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đặng Quang K về yêu cầu độc lập của ông M, bởi lẽ, trong số tiền đặt cọc 4,2 tỷ đồng thì ông K chỉ mới nhận lại 3 tỷ đồng, nghĩa là, số tiền 1,2 tỷ đồng đặt cọc vẫn chưa được xử lý xong khi chấm dứt hợp đồng đặt cọc và điều này sẽ ảnh hưởng đến việc xác định ông K có hay không có di sản để lại, ảnh hưởng đến việc xác định thực hiện nghĩa vụ về tài sản của ông K.

[7] Khoản 1 Điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về việc thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại như sau: *"1. Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác"* Hồ sơ vụ án thể hiện: ông Đặng Quang K đã ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu T. Những người thừa kế của ông Đặng Quang K, gồm cha mẹ ruột của ông K là ông Đặng Văn L1, bà Nguyễn Thị C và con gái của ông K là cháu Đặng Khải H1, sinh ngày 11/6/2014 (do bà Nguyễn Thị Thu T là người đại diện theo pháp luật) đều trình bày thống nhất rằng khi ông K còn sống, làm ăn gì với ai không biết, nay ông K đã chết không để lại tài sản gì nên không có tiền để trả cho ai. Ngoài lời trình bày này, hồ sơ vụ án không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh ông K chết có để lại di sản. Trong khi chưa xác định được ông K chết có để lại di sản hay không? Phạm vi di sản ông K để lại thiếu, đủ hay thừa để thực hiện nghĩa vụ tài sản của ông K, nhưng bản án sơ thẩm đã buộc người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn ông Đặng Quang K (đã chết) là ông Đặng Văn L1, bà Nguyễn Thị C, cháu Đặng Khả H3 có nghĩa vụ trả cho ông Lê Quang L 1.869.200.000 đồng và có nghĩa vụ chịu 68.376.000 đồng tiền án phí, là xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông L1, bà C và cháu H3.

[8] Từ nhận định tại mục [6] và [7], cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại vụ án.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên về việc không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L về trách nhiệm liên đới là có căn cứ, nên được chấp nhận. Tuy nhiên, đối với đề nghị về nghĩa vụ trả nợ của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông K là chưa phù hợp, nên không được chấp nhận.

[10] Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: sẽ được xem xét xử lý khi vụ án được giải quyết lại.

[11] Về án phí dân sự phúc thẩm: do yêu cầu kháng cáo của ông L được chấp nhận một phần, nên ông L không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Quang L.

3. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

4. Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: sẽ được xem xét xử lý khi vụ án được giải quyết lại.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Lê Quang L không phải chịu. Hoàn trả cho ông Lê Quang L số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004500 ngày 06/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

6. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- TANDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đức Huệ
- Chi cục THADS huyện Đức Huệ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Ngọc Hoàng Đình Thục